

Bản án số: 11/2026/HNGĐ-ST
Ngày 28/01/2026
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Hồng
2. Bà Nguyễn Thị Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Linh Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Ngọc Nương - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 222/2025/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01A/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường B, tỉnh Bắc Ninh

Nơi ở hiện nay: Đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, Trung Quốc

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền giao, nhận tài liệu chứng cứ cho nguyên đơn: Công ty L và Cộng sự. Địa chỉ: Số B, ngõ D D, phường P, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn T1 – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện của Công ty L và Cộng sự nhận giao, nhận tài liệu chứng cứ cho nguyên đơn: Bà Kiều Thu T2 – Chức vụ: Nhân viên Công ty.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1986

Địa chỉ: tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh

(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền nhận văn bản tố tụng của Tòa án cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959. Địa chỉ: tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1967 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)
 2. Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1964 (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)
- Cùng địa chỉ: TDP T, phường B, tỉnh Bắc Ninh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai (có xác nhận của Văn phòng K1 tại Đ) nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Nguyễn Văn C đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường Y, tỉnh Bắc Ninh) cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 54 ngày 18/9/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, có với nhau 02 con chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân chủ yếu do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không có tiếng nói chung, dẫn đến thường xuyên xảy ra tranh cãi, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mục đích hôn nhân không đạt được.

Từ năm 2020, chị T sang Đài Loan lao **động**, vợ chồng sống ly thân từ thời điểm đó đến nay. Tháng 6/2024, chị T có về Việt Nam thăm gia đình, sau khi hết thời gian nghỉ phép tại tiếp tục quay trở lại Đài Loan làm việc. Trong thời gian ly thân, hai bên đã nhiều lần trao đổi, được gia đình nội ngoại khuyên bảo, tạo điều kiện hàn gắn nhưng không đạt kết quả; mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, các bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chị và anh Nguyễn Văn C có 02 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 06/10/2010 và Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 17/7/2015. Hiện nay, cháu K chủ yếu do anh C chăm sóc nhưng thường xuyên ở cùng ông bà nội là ông Nguyễn Văn Q và bà Nguyễn Thị H (là bố mẹ đẻ anh C) tại tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Cháu G đang sinh sống cùng ông bà ngoại là ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị S (là bố mẹ đẻ chị T) tại tổ dân phố T, phường B, tỉnh Bắc Ninh.

Khi ly hôn, chị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Thị Trà G đến khi trưởng thành, nhưng do chị đang lao động ở nước ngoài nên chị nhờ bố mẹ đẻ là ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị S thay chị chăm sóc, nuôi dưỡng cháu G đến khi chị về nước. Đối với cháu Nguyễn Trung K, chị đề nghị Tòa án xem xét nguyện vọng của cháu quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định pháp luật. Trường hợp chị được giao nuôi dưỡng cả hai cháu, chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung và các nghĩa vụ tài chính khác: Không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Do hiện nay chị T đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, không thể trực tiếp tham gia các buổi làm việc, hòa giải, phiên họp và phiên tòa tại Tòa án, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời chị ủy quyền cho Công ty L và Cộng sự đại diện thực hiện các thủ tục nộp hồ sơ, nộp và nhận tiền tạm ứng án phí, nhận các văn bản tố tụng và nhận bản án, quyết định của Tòa án để chuyển lại cho chị.

** Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn C trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1986, kết hôn với nhau ngày 18/9/2009 tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh) trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu trước khi kết hôn và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh, thời gian đầu cuộc sống hôn nhân vui vẻ, hạnh phúc. Đến đầu năm 2020, chị T sang Đài Loan lao động thì mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng; đến năm 2024 mâu thuẫn phát sinh nhiều hơn, nguyên nhân do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra to tiếng. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Trung K, sinh ngày 06/11/2010 và Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 17/7/2015. Khi ly hôn, anh đề nghị giao cháu G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; đối với cháu Nguyễn Trung K, anh đề nghị Tòa án xem xét theo nguyện vọng của cháu để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng.

- Về tài sản chung và công nợ chung: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện nay anh đi làm ăn xa, công việc bận nên không thể tham gia các phiên họp, hòa giải và phiên tòa; đồng thời cho rằng mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được nữa nên đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nhiều lần và giải quyết vắng mặt anh trong quá trình tố tụng. Anh đề nghị các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1959, địa chỉ: tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị S đều trình bày:* Ông V và bà S là bố mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị T, đồng thời là ông bà ngoại của các cháu Nguyễn Trung K và Nguyễn Thị Trà G. Việc chị T làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn C, ông bà đều biết. Theo ông bà, trong quá trình chung sống, vợ chồng chị T và anh C phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân cụ thể về tiền bạc và sinh

hoạt gia đình ông bà không nắm rõ, tuy nhiên hai bên gia đình đã nhiều lần khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Vợ chồng đã sống ly thân trong thời gian dài, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vì vậy, nếu chị T và anh C kiên quyết ly hôn thì ông bà đồng ý, không có ý kiến gì khác và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Hiện nay, chị T đang lao động, học tập và sinh sống thường xuyên tại Đài Loan, vẫn giữ liên lạc với gia đình và gửi tiền về để cùng chăm sóc, nuôi dưỡng các con.

Về con chung, ông bà xác nhận vợ chồng chị T và anh C có 02 con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 06/11/2010 và cháu Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 17/7/2015. Hiện nay cháu Trà G đang sinh sống cùng ông bà và được ông bà trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; còn cháu K đang ở với anh C và bà nội. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn, ông bà đề nghị giao cháu G cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng; trong thời gian chị T làm việc ở nước ngoài, ông bà đồng ý tiếp tục chăm sóc cháu G để bảo đảm ổn định sinh hoạt và học tập. Đối với cháu Nguyễn Trung K, đề nghị giao cho anh C tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng do cháu đang sinh sống ổn định tại đó.

Do bận công việc nên ông, bà đề nghị được vắng mặt tại các buổi làm việc mà Tòa án triệu tập, vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tất cả các phiên tòa xét xử do Tòa án mở ra.

*** Tài liệu, chứng cứ thu thập được:**

+ Theo bản trình bày ý kiến của các con chung chưa thành niên là cháu Nguyễn Trung K và cháu Nguyễn Thị Trà G về việc lựa chọn người trực tiếp nuôi dưỡng khi bố mẹ ly hôn. Cháu Nguyễn Thị Trà G cho biết hiện đang sinh sống cùng ông bà ngoại, việc học tập và sinh hoạt ổn định; khi Tòa án giải quyết việc ly hôn của bố mẹ, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Nguyễn Thị T để được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Đối với cháu Nguyễn Trung K, cháu trình bày hiện đang sinh sống ổn định cùng bố là anh Nguyễn Văn C và ông bà nội, đồng thời có nguyện vọng được tiếp tục ở với bố để thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt.

+ Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2026 đại diện chính quyền địa phương tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh cung cấp: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C có phát sinh mâu thuẫn. Tuy nhiên, mâu thuẫn cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm rõ. Chị T đã rời khỏi nơi cư trú chung với anh C từ lâu và hiện về sinh sống tại nhà mẹ đẻ. Về con chung, anh C và chị T có hai con là: cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 06/11/2010 và cháu Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 17/7/2015. Hiện nay, cháu K đang ở cùng bà nội là bà H; anh C thỉnh thoảng vẫn về nhà để chăm sóc cháu. Đối với cháu G, hiện đang sinh sống cùng mẹ.

+ Tại biên bản xác minh ngày 05/01/20226, bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ anh Nguyễn Văn C cung cấp: Bà xác nhận chị Nguyễn Thị T là con dâu; hiện chị T đang đi học nhưng vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình. Anh Nguyễn Văn C – con trai bà – đang làm ăn tại miền N, địa chỉ cụ thể không ổn định, song vẫn gửi tiền nuôi con và thỉnh thoảng về chăm sóc cháu Nguyễn Trung K; đồng thời được gia đình thông báo đầy đủ về quá trình giải quyết vụ án. Bà biết việc chị T xin ly hôn, nhận thấy vợ chồng có mâu thuẫn kéo dài, đã ly thân từ năm 2018, mâu thuẫn gay gắt khoảng năm 2024; gia đình nhiều lần hòa giải không thành nên nếu hai bên ly hôn bà không

có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Về con chung, vợ chồng có hai cháu Nguyễn Trung K, sinh 06/11/2010 và Nguyễn Thị Trà G, sinh 17/7/2015; hiện cháu K ở với bà và anh C, cháu G ở với mẹ. Nếu ly hôn, bà đề nghị giao cháu G cho chị T chăm sóc, bà tiếp tục cùng anh C nuôi dưỡng cháu K. Bà xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, đồng ý nhận các văn bản tố tụng và cam kết thông báo lại cho anh C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C1, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị S; Biên bản làm việc với chính quyền địa phương tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh và bà Nguyễn Thị H là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn C và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Bắc Ninh phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 104, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T; xử

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 17/7/2015 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cho ông V, bà S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống. Giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 06/11/2010 cho anh Nguyễn Văn C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con; anh C cũng không có ý kiến gì đối với việc này nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các bên, tạm thời không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Văn C và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Do vậy, đây là vụ án “ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn cư trú tại phường T, tỉnh Bắc Ninh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 3, Điều 4 Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi, thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực (*Kèm theo Phụ lục tên gọi và Phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân khu vực, kế thừa quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Tòa án nhân dân cấp huyện*) vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Bắc Ninh.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Nguyễn Văn C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn V và bà Nguyễn Thị S đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh C, ông V, bà S

[4] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/9/2009 tại UBND xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh). Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng chị T, anh C phát sinh mâu thuẫn, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

Xét về yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị T, Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị T, anh C chung sống hạnh phúc một thời gian và có hai con chung. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách. Từ năm 2020 đến nay, chị T đi lao động tại Đài Loan, vợ chồng sống ly hôn trong thời gian dài, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau; mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên giải nhưng không đạt kết quả. Hiện nay cả chị T và anh C đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng đồng ý ly hôn

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; việc xin ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp quy định tại các Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa, nên cần chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn C có hai con chung là cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 06/11/2010 và cháu Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 17/7/2015. Hiện nay, cháu K đang sinh sống ổn định cùng anh C và ông bà nội tại tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh; cháu có nguyện vọng được tiếp tục ở

với bố để thuận tiện cho việc học tập và sinh hoạt. Cháu G đang sinh sống cùng ông bà ngoại tại tổ dân phố T, phường B, tỉnh Bắc Ninh, có nguyện vọng được ở với mẹ là chị T. Ngoài ra, ông V, bà S đồng ý nuôi dưỡng cháu G cho chị T trong thời gian chị T ở nước ngoài. Xét thấy các cháu đều đã có sự ổn định về nơi ở, môi trường học tập và sinh hoạt; nguyện vọng của các cháu phù hợp với điều kiện thực tế chăm sóc, nuôi dưỡng hiện nay và bảo đảm quyền lợi mọi mặt của các cháu theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần giao cháu Nguyễn Trung K cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Nguyễn Thị Trà G cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định pháp luật nhưng tạm giam cho G cho ông V, bà S chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống là phù hợp tình hình thực tế cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T, anh C thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Trong trường hợp chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T không yêu cầu anh C cấp dưỡng, anh C cũng không có ý kiến gì; xét thấy sự thỏa thuận này là tự nguyện và không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra xem xét.

[7] Về tài sản chung, công nợ: Chị T, anh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/10/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 – Bắc Ninh.

[9] Về quyền kháng cáo: Theo quy định 271, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị T đang lao động ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh C, ông V, bà S vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam, có thời hạn kháng cáo bản án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C

2. Về con chung:

Giao cháu Nguyễn Trung K, sinh ngày 06/11/2010 cho anh Nguyễn Văn C là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Giao cháu Nguyễn Thị Trà G, sinh ngày 17/7/2015 cho chị Nguyễn Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu G cho ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị S chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi chị T về nước sinh sống.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không đặt ra xem xét do các đương sự không yêu cầu

N không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở; khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001239 ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Xác nhận chị T đã thi hành xong án phí.

4. Về quyền kháng cáo:

Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn V, bà Nguyễn Thị S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKS khu vực 1 - Bắc Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng THADS khu vực 1 - Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- UBND phường Tân Tiến, tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu:Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Thu Hà

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đinh Thị Thu H1